



# CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

“

Trong những năm gần đây, các học thuyết đã lý giải vì sao một số quốc gia châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc vươn lên dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (ĐMST), trong khi các nước như Malaysia, Thái Lan, Việt Nam chưa tạo được đột phá. Sự khác biệt nằm ở khả năng xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách ĐMST. Bài viết phân tích chính sách ĐMST tại các quốc gia này, rút ra bài học từ thành công và thất bại, đồng thời đề xuất gợi ý chính sách giúp Việt Nam vượt qua thách thức hiện tại.

”

## Chính sách đổi mới sáng tạo của một số quốc gia châu Á

### Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia châu Á đầu tiên thành công trong công nghiệp hóa và bắt kịp các quốc gia tiên tiến. Nhật Bản là một trong những nhà đầu tư lớn nhất vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) tính theo chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D). Các chính sách ĐMST ban đầu của quốc gia này tập trung vào việc mở rộng khả năng tiếp cận tri thức quốc tế và tích lũy vốn nhân

lực bản địa. Bằng cách tập hợp các cấu trúc quản trị phù hợp nhằm thúc đẩy mối liên kết chặt chẽ giữa các ngành công nghiệp được lựa chọn, các tổ chức Chính phủ và khu vực hàn lâm, Nhật Bản đã thành công trong việc đảm bảo khả năng ĐMST của doanh nghiệp sau này. Các ngành công nghiệp chiến lược của nước này chuyển từ công nghiệp nặng sang điện tử và khoa học sự sống, phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nhanh chóng bắt kịp các nền kinh tế tiên tiến khác.



Viện Nghiên cứu và Phát triển vắc-xin, Đại học Hokkaido, Nhật Bản. Nguồn: global.hokudai.ac.jp.

Khoảng cách kinh tế và công nghệ giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ được thu hẹp khi năng suất công nghiệp tăng mạnh vào cuối những năm 1980 (giai đoạn tiền công nghiệp hóa). Các công ty Nhật Bản đã thể hiện hiệu quả đáng kể trên toàn cầu. Đầu tư tư nhân vào thiết bị và máy móc mới tăng vọt. Một số công ty Nhật Bản (Sony Corporation, Panasonic Corporation, Toyota Motors và Softbank) đã chiếm lĩnh thị trường toàn cầu bằng công nghệ tiên tiến, chiếm thị phần từ các đối thủ cạnh tranh lớn ở Hoa Kỳ và châu Âu. Do sự gia tăng mạnh mẽ dư thừa mại của Nhật Bản trong những năm 1980 (giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp), các mối quan hệ kinh doanh với một số đối tác càng trở nên căng thẳng hơn. Trong giai đoạn sau bắt kịp, Nhật Bản phải phát triển quỹ đạo công nghệ của riêng mình thay vì tuân theo một mô hình chuẩn đã được kiểm chứng. Họ tập trung vào các công nghệ phức tạp và tinh vi, chẳng hạn như công nghệ sinh học và hóa học tinh chế, đồng thời đầu tư vào nghiên cứu cơ bản. Các thay đổi trong hệ thống quản trị KH,CN&ĐMST là tương đối thường xuyên; tuy nhiên, các chiến lược trung và dài hạn được thể hiện trong Kế hoạch tổng thể về KH&CN từ Kế hoạch thứ Nhất đến thứ Năm là nhất quán, dựa trên Luật KH&CN cơ bản ban hành năm 1995.

Gần đây, Nhật Bản đang tận dụng các chính sách ĐMST để giải quyết những vấn đề xã hội, chẳng hạn như già hóa, thảm họa và các vấn đề môi trường. Nhật Bản đang cố gắng chuyển mình thành “quốc gia hàng đầu trong việc giải quyết các thách thức xã hội” để chuyển đổi các thách thức khác nhau thành động lực tăng trưởng. Nhìn vào sự hình thành của nền quản trị KH,CN&ĐMST mới của Nhật Bản, chính sách Abenomics (chính sách kinh tế của Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe) được đặc trưng bởi một chiến lược để vượt qua 20 năm mất mát của Nhật Bản và hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao. Theo các chính sách trung và dài hạn, chiến lược toàn diện cho KH,CN&ĐMST được lựa chọn hàng năm. Các chiến lược như vậy tập trung vào chính sách KH&CN của Nhật Bản, chẳng hạn như Chiến lược ĐMST môi trường và năng lượng Quốc gia (2050), Chương trình thúc đẩy phát triển và nghiên cứu ĐMST, Chương trình sáng tạo chiến lược. Hội đồng toàn diện về KH,CN&ĐMST phụ trách chức năng lập ngân sách KH&CN, liên kết giữa các khu vực hàn lâm, tổ chức công và ngành, đánh giá R&D để hỗ trợ đầu tư nghiên cứu ĐMST ngoài khuôn khổ hiện có.

### Hàn Quốc

Hàn Quốc là một quốc gia đã đạt được thành công lớn nhờ áp dụng kịp thời các chính sách khác nhau đối với ĐMST. Trong 5 thập kỷ qua, Hàn Quốc đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về đầu vào và đầu ra ĐMST, cũng như tăng trưởng kinh tế. Hàn Quốc cũng trở thành quốc gia có các công ty dẫn đầu về ĐMST, với chi tiêu cho R&D của tư nhân vượt qua chi tiêu cho R&D khu vực công kể từ giữa những năm 1980.

Các chính sách ĐMST của Hàn Quốc phát triển theo 3 giai đoạn. Trong giai đoạn tiền công nghiệp hóa, Hàn Quốc không đủ khả năng để suy nghĩ về các chính sách ĐMST hoặc KH&CN, vì nhu cầu cấp thiết khi đó là giải quyết tình trạng thiếu hàng hóa nghiêm trọng và tái thiết sau chiến tranh. Trong giai đoạn bắt kịp và công nghiệp hóa, nhiều công cụ chính sách khác nhau nhằm nâng cao năng lực KH&CN của Hàn Quốc đã xuất hiện, bởi vì Hàn Quốc nhận ra rằng, KH&CN là một cách tiếp cận quan trọng để công nghiệp hóa và phát triển kinh tế. Mặc dù Hàn Quốc đã sử dụng các công cụ chính sách khác nhau, nhưng triết lý chính sách nhất quán là do Chính phủ đưa ra, hướng vào xuất khẩu, công nghiệp hóa và tăng trưởng cao.

Quản lý chính sách ĐMST của Hàn Quốc đã trải qua một số thay đổi. Trước khi công nghiệp hóa, không có tổ chức nào dành riêng cho các chính sách ĐMST. Trong những năm 1960 và 1970, KH&CN là cần thiết để đánh giá và lựa chọn công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa và mở rộng xuất khẩu. Trong suốt những năm 1980, 1990 và đầu những năm 2000, nhiều bộ đã tham gia hoạch định các chính sách KH&CN dựa trên triết lý chính sách tăng trưởng kinh tế do Chính phủ lãnh đạo. Hiện tượng này dẫn đến đầu tư chồng chéo và lãng phí nguồn lực. Do đó, khả năng phối hợp chính sách giữa các bộ là rất cần thiết. Trong thời gian này, ba bộ (KH&CN, Thông tin và Truyền thông; Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng) đã trở thành các bộ chuyên trách vì chiếm số lượng lớn nhất trong ngân sách R&D quốc gia.

### Trung Quốc

Trung Quốc đã tiếp thu thành công nền kinh tế thị trường từ nền kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa, đã bắt kịp trong ngắn hạn và dự kiến sẽ vượt Hoa Kỳ về GDP vào năm 2030, mặc dù GDP bình quân đầu người thấp. Với cải cách và mở cửa vào năm 1978 và việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới



(WTO) vào năm 2001, Hệ thống ĐMST quốc gia (NIS) cũng đã chuyển từ Chính phủ sang khu vực tư nhân lãnh đạo. Các nguồn đầu tư ĐMST cũng đã thay đổi từ FDI sang các doanh nghiệp bản địa.

Chính sách ĐMST của Trung Quốc đã phát triển qua 3 giai đoạn. *Đầu tiên* là giai đoạn tiền công nghiệp hóa từ năm 1949 đến trước khi cải cách và mở cửa năm 1978. Ở giai đoạn này, Trung Quốc đã trải qua những thử nghiệm xã hội chủ nghĩa, chẳng hạn như phong trào Đại nhảy vọt (1958-1960) và Cách mạng Văn hóa (1966-1976) theo nền kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa. *Thứ hai*, phù hợp với công cuộc ĐMST và mở cửa năm 1978, Chính phủ đặt ra các mục tiêu chính sách là tăng năng suất dựa trên sự phát triển của KH&CN và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc thực hiện chiến lược bắt kịp dựa trên thị trường nội địa rộng lớn của mình để thu hút FDI và bù cho nguồn vốn và công nghệ khan hiếm. *Thứ ba*, ở giai đoạn sau bắt kịp, Chính phủ nhấn mạnh chính sách hỗ trợ xuất khẩu và ĐMST của các công ty bản địa dựa trên quá trình chuyển đổi thành công sang nền kinh tế thị trường.

Dưới thời Hội đồng Nhà nước, Bộ KH&CN (MOST) đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra và thực hiện nhiều chính sách KH&CN. MOST phụ trách tất cả các lĩnh vực của chuỗi phát triển công nghệ, bao gồm nghiên cứu cơ bản, phát triển công nghệ cao, thương mại hóa công nghệ, phát triển khu vực và nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua công nghệ. MOST có Viện Thông tin KH&CN, Viện Chiến lược Phát triển KH&CN, và hỗ trợ xây dựng chính sách cho Trung tâm ĐMST Công nghệ Quốc gia. Theo xu hướng của thế giới, thông tin và truyền thông là cơ sở hạ tầng của các ngành công nghiệp hội tụ thay vì chỉ riêng ngành CNTT, Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin (MIIT) được thành lập vào năm 2008 để thúc đẩy sự hội tụ giữa ICT và các ngành truyền thống. Các chính sách về công nghệ mới, chẳng hạn như AI và chuỗi khối, hầu hết do MIIT phát triển.

Tóm lại, Hội đồng Nhà nước là cơ quan ra quyết định hàng đầu trong quản trị ĐMST, KH&CN của Trung Quốc, trong đó Nhóm Lãnh đạo Giáo dục KH&CN Quốc gia có chức năng như một kênh điều phối. Bộ trưởng các bộ liên quan tham gia thiết kế chính sách. MOST và MIIT là các cơ quan chính về KH&CN và chính sách ĐMST công nghiệp. Chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch hành động dựa trên các chính sách KH&CN của chính quyền trung ương.

### Thái Lan

Thái Lan đã trở thành quốc gia có thu nhập trên trung bình lớn thứ hai ở Đông Nam Á. Nền kinh tế Thái Lan đã trải qua những thay đổi về cơ cấu trong những thập kỷ trước, với nhiều cải cách thành công, nhằm thúc đẩy đầu tư và mở cửa kể từ những năm 60 của thế kỷ trước.

Quá trình phát triển các chính sách ĐMST của Thái Lan có thể được chia thành 2 giai đoạn: “tiền công nghiệp hóa” và “công nghiệp hóa và bắt kịp”. Trong những năm 60 của thế kỷ trước, chính sách thay thế nhập khẩu là trọng tâm của chiến lược. Từ đầu những năm 70, nước này chuyển sang chiến lược định hướng xuất khẩu. Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa ở Thái Lan, năng suất đạt được nhờ sản xuất thâm dụng lao động bằng cách phân bổ lại lao động nông thôn kém hiệu quả, dựa trên tích lũy vốn và nhập khẩu công nghệ thông qua FDI. Tăng trưởng dựa vào xuất khẩu đã đạt được trong những năm 1980, trong bối cảnh cải cách cơ cấu ngành công nghiệp địa phương và tăng cường khả năng cạnh tranh, khuyến khích xuất khẩu các sản phẩm chế tạo và cung cấp các biện pháp khuyến khích vĩ mô, vi mô có chọn lọc. Trong những năm 1990, Chính phủ đưa ra chính sách dân túy mới, giống với chính sách của Mỹ Latinh trong những năm 1980 và 1990. Vào những năm 2000, chính sách ĐMST lấy con người làm trung tâm đã được thiết lập để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Hiện nay, Thái Lan có một chiến lược tập trung vào cải thiện năng suất, không dựa vào đầu vào là vốn và lao động.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Năng lượng (MSTE) là cơ quan chính để phát triển các chính sách KH, CN&ĐMST, được thành lập vào năm 1979. Từ tháng 10/2002, theo Đạo luật Tái cơ cấu Bộ máy hành chính, MSTE đổi tên thành Bộ Khoa học và Công nghệ (MST). MST hiện được giao nhiệm vụ chuyển tiếp chính sách và kế hoạch chiến lược cho KH, CN&ĐMST và hướng tới việc thực hiện hiệu quả và thực chất về R&D, cũng như tạo ra các cơ chế hợp tác giữa mọi thành phần trong xã hội để thúc đẩy lợi ích kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống. Với tầm nhìn “xuất sắc trong quản lý và trong phát triển KH, CN&ĐMST”, MST hướng đến mục tiêu tạo ra và làm giàu trí tuệ của xã hội Thái Lan theo cách hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội và khả năng cạnh tranh bền vững. Để thống nhất các cam kết về KH, CN&ĐMST giữa các cơ quan nhà nước và tăng cường sự hợp tác với khu vực tư nhân, các học giả



và viện nghiên cứu, Văn phòng Chính sách Khoa học, Công nghệ và ĐMST Quốc gia (một cơ quan thuộc Ủy ban Chính sách KH,CN&ĐMST Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch) được thành lập vào năm 2008.

### **Malaysia**

Với GDP 354 tỷ USD và GNI bình quân đầu người là 10.460 USD, Malaysia là quốc gia có thu nhập trên trung bình và giàu thứ ba trong số các nước ASEAN, sau Singapore và Brunei. So với Thái Lan, Malaysia có hiệu suất đầu vào và đầu ra ĐMST tốt hơn. Theo đó, nước này có thể có nhiều tiềm năng tiến tới một quốc gia có thu nhập cao hoặc giai đoạn bắt kịp thành công. Tuy nhiên, các hoạt động ĐMST của Malaysia phụ thuộc đáng kể vào các công ty nước ngoài hoặc người nước ngoài. Tỷ lệ xuất khẩu công nghệ cao của nước này trong tổng xuất khẩu các sản phẩm chế tạo đạt hơn 52,8% trong năm 2018 so với Hàn Quốc (29,5%), mặc dù nước này có lượng đăng ký sáng chế và công bố quốc tế thấp hơn đáng kể so với Hàn Quốc. Do đó, khả năng công nghệ của các công ty bản địa tương đối được đảm bảo.

Tương tự như Thái Lan, chính sách ĐMST của Malaysia đã phát triển theo 2 giai đoạn: tiền công nghiệp hóa (1957-1970) và công nghiệp hóa và bắt kịp (1971-nay). Trong giai đoạn tiền công nghiệp, Malaysia đã thực hiện chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu thông qua Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhưng không thành công. Trong giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp, chính sách ĐMST của Malaysia đã phát triển theo hai bước. Bước đầu tiên là Chính sách kinh tế mới (NEP) trong giai đoạn 1971-1985, tập trung vào công nghiệp hóa thông qua NEP và đã thành công. Các kế hoạch R&D đã có sẵn nếu NEP cần; tuy nhiên, các chính sách KH&CN độc lập đã không tồn tại. Bước thứ hai là chính sách định hướng KH,CN&ĐMST (1986-nay), đã thiết lập chính sách KH&CN quốc gia đầu tiên và tạo ra một chương riêng cho KH&CN trong Kế hoạch 5 năm lần thứ năm.

Malaysia không có chính sách KH,CN&ĐMST riêng biệt cho đến giữa những năm 80 của thế kỷ trước. Mặc dù Bộ đầu tiên chuyên phụ trách các vấn đề về KH,CN&ĐMST được thành lập vào năm 1973 (Bộ Công nghệ, Nghiên cứu và Chính quyền địa phương). Kể từ giữa năm 1980, quyền lực của Bộ KH,CN&ĐMST (MOSTI) đã trở nên mạnh mẽ hơn do Malaysia bắt đầu phát triển các chính sách KH,CN&ĐMST mới MOSTI thực hiện vai trò của

Đơn vị Kế hoạch Kinh tế trong việc lập kế hoạch phát triển quốc gia. MOSTI là cơ quan quản lý chung về chính sách KH,CN&ĐMST, giám sát một số cơ quan, trung tâm và tổ chức R&D, các doanh nghiệp do Chính phủ tài trợ, đồng thời điều hành các chương trình hỗ trợ R&D một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. MOSTI cũng là ban thư ký của Hội đồng Quốc gia về nghiên cứu và phát triển khoa học (NCSRD), trước đây là Hội đồng Khoa học và Nghiên cứu Quốc gia.

### **Hàm ý chính sách cho Việt Nam**

Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc cho thấy, sự phát triển của các chính sách ĐMST được xem xét theo 3 giai đoạn phát triển kinh tế: i) Trước công nghiệp hóa; ii) Công nghiệp hóa và bắt kịp; iii) Sau bắt kịp. Trong khi đó, các quốc gia trong khu vực ASEAN như Malaysia, Thái Lan vẫn đang mắc kẹt trong giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp. Đối với sự phát triển của Việt Nam hiện nay, có thể thấy Việt Nam cũng đang ở trong giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp, nhưng cũng có thể coi là đang “mắc kẹt” trong giai đoạn này nếu không hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách ĐMST để bứt phá. Do vậy, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm trên từ các quốc gia để xây dựng và hoàn thiện chính sách về KH,CN&ĐMST.

#### ***Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu công***

Các công ty, trường đại học, các tổ chức nghiên cứu công (PRI) cần được trang bị năng lực công nghệ mạnh mẽ vì đây là nguồn chính sinh ra ĐMST. Để làm được điều này cần các biện pháp: tiếp tục giữ vững ổn định chính trị và giải quyết các vấn đề liên quan đến công nghiệp hóa; tiếp thu, phổ biến và nội địa hóa các công nghệ tiên tiến cần được tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa; sự tương tác giữa các bên phải được thúc đẩy hơn; đầu vào ĐMST như chi tiêu cho R&D và nguồn nhân lực R&D phải đầy đủ.

Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu các công nghệ tiên tiến từ nước ngoài và phổ biến cho các khu vực tư nhân, khuyến khích các công ty bản địa nội bộ hóa theo cách thức do Chính phủ lãnh đạo. Đặc biệt, Nhật Bản và Hàn Quốc sử dụng các khoản nợ nước ngoài thay vì FDI để nhập khẩu công nghệ nước ngoài, đảm bảo sự độc lập về công nghệ của họ với các công ty đa quốc gia. Ngược lại, Trung Quốc tích cực sử dụng FDI, với lợi thế thị trường lớn, để có được công nghệ nước ngoài bằng cách thành lập



liên doanh với các công ty bản địa, dẫn đến việc chuyển giao hiệu quả công nghệ của các công ty nước ngoài cho các công ty Trung Quốc. Tóm lại, đầu tư FDI, liên doanh hay nợ nước ngoài là không quan trọng, mà điều quan trọng là các nước đang phát triển phải tích cực yêu cầu các công ty đa quốc gia chuyển giao công nghệ của họ.

Giống như Thái Lan và Malaysia, Việt Nam cũng có các PRI có khả năng phát triển công nghệ, nhưng như thế là chưa đủ. Để bứt phá thành công trong giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp này, Việt Nam cần làm tốt chu trình tiếp thu, phổ biến và nội địa hóa công nghệ tiên tiến. Sự tương tác và hợp tác mạnh mẽ giữa các khu vực viện nghiên cứu - ngành công nghiệp - trường đại học là cách tốt nhất để tạo vòng tròn hiệu quả của chu trình tiếp thu - phổ biến - nội địa hóa công nghệ tiên tiến. Vì mỗi bên trong số ba bên có nguồn lực và điều kiện khác nhau. Các PRI có thể tập trung vào nghiên cứu cơ bản nhờ có đủ nguồn lực và ít áp lực hơn trong việc tạo ra lợi nhuận so với các công ty. Mặt khác, doanh nghiệp bắt buộc phải nghiên cứu ứng dụng vì áp lực rất lớn của việc thương mại hóa nhanh chóng để tạo ra lợi nhuận.

### Vai trò của Chính phủ

Chính phủ giữ vai trò quan trọng trong quá trình hoạch định các chính sách ĐMST và thay đổi vai trò của mình theo giai đoạn phát triển kinh tế. Đối với Việt Nam hiện nay, theo kinh nghiệm của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc, Chính phủ cần phải đóng vai trò là nhà cung cấp và điều tiết để tăng năng lực ĐMST của quốc gia. Tuy nhiên, sau khi năng lực ĐMST, năng lực nội địa hóa các công nghệ tiên tiến của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trở nên mạnh, Chính phủ nên đóng vai trò là người điều phối để thúc đẩy một môi trường nơi khu vực tư nhân có thể tự mình tạo ra ĐMST. Bên cạnh đó, Chính phủ cần có năng lực để nắm bắt và hiện thực hóa cơ hội khi cánh cửa cơ hội mở ra. Chính phủ cũng có thể thiết lập một chiến lược tập trung và lựa chọn, cũng như chiến lược đường vòng dựa trên việc xác định chính xác các nguồn lực và năng lực quốc gia.

Khái niệm cửa sổ cơ hội đề cập đến ý tưởng được trình bày bởi C. Perez và L. Soete (1988), những người đã nhận thấy rằng, một mô hình kinh tế - kỹ thuật mới (ví dụ, sự xuất hiện của công nghệ kỹ thuật số và tự do hóa thương mại) có thể là một cơ hội tuyệt vời cho những người/nước đi sau tham gia

vào các lĩnh vực mới. Các cánh cửa cơ hội cũng nảy sinh khi có sự thay đổi trong chu kỳ kinh doanh (tức là suy thoái hoặc tăng trưởng) và thay đổi về quy định hoặc sự can thiệp của Chính phủ. Do đó, Việt Nam nên lường trước các cửa sổ cơ hội sẽ như thế nào và xác định phương pháp hiệu quả nhất.

### Tạo một thể chế tốt hơn

Điều cần thiết là phải đưa ra các chính sách ĐMST xuất sắc, nhưng cũng cần phải phối hợp các chính sách của nhiều bộ và cơ quan công quyền một cách thống nhất. Chính sách ĐMST cũng cần có khả năng thực thi hiệu quả và phản ánh các xu hướng chính sách mới nhất. Tất cả những điều này đều được đưa vào thể chế; do đó, Việt Nam cần cố gắng tạo ra một thể chế tốt hơn, như thông qua việc thành lập một cơ quan quản lý điều phối mạnh mẽ và tăng cường thực thi pháp luật.

Để thực hiện tổ chức ở cấp cao được suôn sẻ, cần có một bộ chuyên trách về ĐMST, với tư cách là ban thư ký, để thu thập và trao đổi tất cả thông tin và ý kiến liên quan đến chính sách ĐMST giữa các cơ quan, các bộ và chính quyền địa phương. Hàn Quốc đã trao các vai trò rộng lớn (tức là lập kế hoạch, xem xét lại, điều chỉnh, lập ngân sách) và quyền lực lớn cho Bộ KH&CN bằng cách bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ KH&CN vào vị trí Phó Thủ tướng và được trao quyền toàn diện, chẳng hạn như lập kế hoạch, cân nhắc, điều chỉnh và lập ngân sách. Ngoài ra, Tổng thống cũng là Chủ tịch Hội đồng chính sách KH&CN quốc gia để điều chỉnh tất cả các bộ. Nhằm xây dựng khuôn khổ pháp lý để thực hiện hiệu quả các chính sách KH,CN&ĐMST, Nhật Bản và Hàn Quốc đã ban hành Luật về KH&CN lần lượt vào năm 1995 và 2001. Trên cơ sở này, cả hai quốc gia đã thành lập Kế hoạch cơ bản về Khoa học và Công nghệ 5 năm để giải quyết các thách thức mới nảy sinh từ giai đoạn sau bắt kịp, cung cấp hướng dẫn tổng thể để thực hiện các chính sách KH,CN&ĐMST và nâng cao hiệu lực thực thi các chính sách.

Từ những kinh nghiệm quý báu này, Việt Nam cần xem xét một khuôn khổ pháp lý, các chính sách ĐMST với tính nhất quán theo kế hoạch, cung cấp hướng dẫn tổng thể để thực hiện các chính sách KH,CN&ĐMST và nâng cao hiệu lực thực thi các chính sách này ✍

TXB